



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số

4103004305

ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300545501 ngày 7 tháng 12 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông La Văn Út

Chủ tịch

(từ ngày 1 tháng 12 năm 2016)

Ông Lưu Văn Thăng

Chủ tịch

(đến ngày 1 tháng 12 năm 2016)

Ông Nguyễn Đình Dương

Ủy viên

Ông Trương Văn Minh

Ủy viên

Ông Trần Kỳ Hạnh

Ủy viên

Ông Nguyễn Quang Cường

Ủy viên

Bà Phạm Lý Trang Khanh

Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Cường

Tổng Giám đốc

Ông Trương Văn Minh

Phó Tổng Giám đốc

Bà Phạm Lý Trang Khanh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Chiến

Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 15 tháng 9 năm 2016)

Ông Bùi Hồng Dũng

Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 15 tháng 9 năm 2016)

Ông La Văn Út

Phó Tổng Giám đốc

(đến ngày 1 tháng 12 năm 2016)

Trụ sở đăng ký

236/106/1A Điện Biên Phủ
Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày tháng năm, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Số liệu so sánh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới Thuyết minh 34 của báo cáo tài chính hợp nhất đề cập tới việc số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại.

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 34 của báo cáo tài chính hợp nhất, được căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính đó đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 3 năm 2016. Những điều chỉnh đối với số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh 34 của báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV ngày 22 tháng 4 năm 2016 và biên bản kiểm toán ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Kiểm toán Nhà nước Chuyên ngành VI.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-116-HN



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2017

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0296-2013-007-1

16-02-116-HN

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		170.114.487.724	224.722.927.624
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	48.634.560.641	71.142.610.690
Tiền	111		46.634.560.641	24.142.610.690
Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	47.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.154.502.305	99.968.461.502
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	37.703.830.012	77.677.526.451
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		937.160.330	969.422.088
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	13.794.644.732	21.586.865.144
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(281.132.769)	(265.352.181)
Hàng tồn kho	140	8	68.567.108.636	52.947.377.720
Hàng tồn kho	141		68.676.533.878	53.056.802.962
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(109.425.242)	(109.425.242)
Tài sản ngắn hạn khác	150		758.316.142	664.477.712
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		758.316.142	664.477.712
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		1.906.724.786.160	1.736.623.514.467
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.685.561.000	1.685.561.000
Phải thu dài hạn khác	216		1.685.561.000	1.685.561.000
Tài sản cố định	220		1.868.905.173.344	1.722.340.357.629
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.842.493.206.620	1.695.315.386.409
Nguyên giá	222		4.328.567.552.259	3.882.739.406.189
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.486.074.345.639)	(2.187.424.019.780)
Tài sản cố định vô hình	227	10	26.411.966.724	27.024.971.220
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.839.013.487)	(1.226.008.991)
Tài sản dở dang dài hạn	240		22.895.909.520	823.060.782
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	22.895.909.520	823.060.782
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	13.238.142.296	11.774.535.056
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(51.261.857.704)	(52.725.464.944)
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.076.839.273.884	1.961.346.442.091

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		965.968.695.761	883.502.120.129
Nợ ngắn hạn	310		434.981.984.955	439.658.527.629
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	54.925.312.020	26.311.127.424
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.274.558.013	36.440.683.778
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	12.372.890.271	30.377.462.418
Phải trả người lao động	314		35.663.219.621	31.043.270.841
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	11.197.618.204	8.562.110.633
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	29.730.248.983	10.222.972.728
Vay ngắn hạn	320	17	220.532.493.944	269.705.685.634
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	54.638.549.201	24.580.064.975
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.647.094.698	2.415.149.198
Nợ dài hạn	330		530.986.710.806	443.843.592.500
Vay dài hạn	338	17	530.986.710.806	443.843.592.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.110.870.578.123	1.077.844.321.962
Vốn chủ sở hữu	410	19	1.110.870.578.123	1.077.844.321.962
Vốn cổ phần	411	20	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(160.015.910)	(160.015.910)
Cổ phiếu quỹ	415		(11.635.553.757)	(11.635.553.757)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	250.991.855.223	245.090.870.947
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.007.632.567	45.882.360.682
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(8.951.956.594)	(11.606.940.796)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		81.959.589.161	57.489.301.478
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.076.839.273.884	1.961.346.442.091

Ngày 18 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.170.014.558.679	1.335.025.601.795
Giá vốn hàng bán	11	25	939.173.153.125	1.139.849.850.096
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		230.841.405.554	195.175.751.699
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.877.004.788	2.822.725.414
Chi phí tài chính	22	27	41.870.953.585	88.992.930.385
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		37.558.503.258	44.652.608.995
Chi phí bán hàng	25		3.516.586.977	4.351.574.471
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		56.671.744.571	48.948.192.771
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		132.659.125.209	55.705.779.486
Thu nhập khác	31	28	3.190.856.694	21.602.156.505
Chi phí khác	32	29	20.223.897.876	1.395.493.763
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(17.033.041.182)	20.206.662.742
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		115.626.084.027	75.912.442.228
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	28.666.494.866	18.423.140.750
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		86.959.589.161	57.489.301.478
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.039	729

Ngày 18 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2016	2015
	số	minh	VND	VND
				Điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		115.626.084.027	75.912.442.228
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		302.122.574.980	280.719.736.092
Các khoản dự phòng	03		48.842.297.385	32.567.483.510
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		4.995.524.543	35.285.927.379
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.498.981.957)	(21.089.568.253)
Chi phí lãi vay	06		37.558.503.258	44.652.608.995
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		507.646.002.236	448.048.629.951
Biến động các khoản phải thu	09		47.844.465.296	37.009.657.599
Biến động hàng tồn kho	10		(15.619.730.916)	610.559.018
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(27.646.452.642)	(34.357.084.121)
Biến động chi phí trả trước	12		(93.838.430)	(261.473.987)
			512.130.445.544	451.050.288.460
Tiền lãi vay đã trả	14		(33.237.722.877)	(54.267.809.419)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(41.334.054.438)	(13.736.873.414)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	5.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.484.590.750)	(4.786.426.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		431.074.077.479	378.264.179.627
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(451.097.180.522)	(184.429.208.499)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		396.527.273	19.926.002.094
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	7.199.500.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.102.454.684	928.582.288
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(449.598.198.565)	(156.375.124.117)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND Điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	310.515.660.000	122.557.050.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(275.211.773.692)	(316.368.089.049)
Tiền trả cổ tức	36	(39.316.249.100)	(30.989.115.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.012.362.792)	(224.800.154.824)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(22.536.483.878)	(2.911.099.314)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	71.142.610.690	73.892.390.210
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	28.433.829	161.319.794
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 5	48.634.560.641	71.142.610.690

Ngày 18 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 2 công ty con (1/1/2016: 2 công ty con), chi tiết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	
		31/12/2016	1/1/2016
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải	100%	100%
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải	100%	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty và các công ty con có 524 nhân viên (1/1/2016: 505 nhân viên).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản/bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 19 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 44 năm.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 năm/lần. Dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định bằng 1/2 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong vòng 12 tháng tiếp theo.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, Công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bộ phận kinh doanh vận tải: Vận tải xăng dầu
- Bộ phận kinh doanh thương mại: Mua bán xăng dầu
- Bộ phận khác: các hoạt động khác của Công ty và các công ty con

	Vận tải		Thương mại		Các hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	982.717.892.716	947.133.627.332	156.352.351.908	357.696.580.201	30.944.314.055	30.195.394.262	-	-	1.170.014.558.679	1.335.025.601.795
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	5.809.066.576	197.712.060	5.229.923.786	4.564.688.980	(11.038.990.362)	(4.762.401.040)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	982.717.892.716	947.133.627.332	162.161.418.484	357.894.292.261	36.174.237.841	34.760.083.242	(11.038.990.362)	(4.762.401.040)	1.170.014.558.679	1.335.025.601.795
Kết quả kinh doanh của bộ phận	213.389.725.687	174.955.462.641	7.217.558.299	10.616.976.357	10.234.121.568	9.603.312.701	-	-	230.841.405.554	195.175.751.699
Chi phí phân bổ	49.361.621.386	41.843.748.109	4.464.689.709	5.728.317.682	6.362.020.453	5.727.701.451	-	-	60.188.331.548	53.299.767.242
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh	170.653.074.006	141.875.984.457								
Doanh thu tài chính									3.877.004.788	2.822.725.414
Chi phí tài chính									(41.870.953.585)	(88.992.930.385)
Thu nhập khác									3.190.856.694	21.602.156.505
Chi phí khác									(20.223.897.876)	(1.395.493.763)
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(28.666.494.866)	(18.423.140.750)
Lợi nhuận thuần sau thuế	86.959.589.161	57.489.301.478								

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vận tải		Thương mại		Các hoạt động khác		Hợp nhất	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	1.932.751.887.961	1.812.847.703.998	16.027.005.295	6.858.661.842	34.178.808.180	30.435.200.651	1.982.957.701.436 93.881.572.448	1.850.141.566.491 111.204.875.600
Tổng tài sản							2.076.839.273.884	1.961.346.442.091
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	914.586.807.376	836.323.806.026	11.987.427.877	5.301.271.283	17.167.944.879	8.032.079.810	943.742.180.132 22.226.515.629	849.657.157.119 33.844.963.010
Tổng nợ phải trả							965.968.695.761	883.502.120.129
Chi tiêu vốn	451.097.180.522	184.429.208.499	-	-	-	-	451.097.180.522	184.429.208.499
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	301.509.570.484	280.106.731.596	-	-	-	-	301.509.570.484	280.106.731.596
Khấu hao tài sản cố định vô hình	613.004.496	613.004.496	-	-	-	-	613.004.496	613.004.496

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	953.346.886	1.041.599.535
Tiền gửi ngân hàng	45.681.213.755	23.101.011.155
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	47.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	48.634.560.641	71.142.610.690
	<hr/>	<hr/>

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	31.998.480.439	65.165.068.627
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	2.369.842.054	7.943.374.040
Các khách hàng khác	3.335.507.519	4.569.083.784
	<hr/>	<hr/>
	37.703.830.012	77.677.526.451
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	31.998.480.439	65.165.068.627
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	2.369.842.054	7.943.374.040
Các công ty liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy</i>		
<i>Petrolimex</i>	581.654.008	621.113.024
<i>Công ty TNHH MTV Xăng dầu KV2</i>	80.023.984	55.025.704
<i>Công ty CP VT&DV Petrolimex Hải Phòng</i>	89.200.000	217.699.718
<i>Công ty xăng dầu B12</i>	1.367.400	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và phải thu khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu về các khoản chi hộ các công ty liên quan	9.292.223.415	14.564.538.477
▪ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	4.926.989.597	12.121.099.792
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	1.573.824.530	2.064.911.528
▪ Công ty CP VT&DV Petrolimex Hải Phòng	339.884.602	367.502.157
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	-	-
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	6.438.600	11.025.000
▪ Công ty Bảo hiểm PIJICO Sài Gòn	2.445.086.086	-
Tạm ứng cho người lao động	2.523.807.688	2.250.007.307
Các khoản phải thu khác	1.978.613.629	4.772.319.360
	<hr/>	<hr/>
	13.794.644.732	21.586.865.144

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và phải thu khi yêu cầu.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
			Điều chỉnh lại	
Hàng mua đang đi đường	1.348.182.218	-	1.412.977.020	-
Nguyên vật liệu	58.132.716.901	(109.425.242)	50.937.915.228	(109.425.242)
Công cụ và dụng cụ	350.331.875	-	430.562.193	-
Sản phẩm dở dang	1.974.388.799	-	275.348.521	-
Hàng gửi đi bán	6.870.914.085	-	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	68.676.533.878	(109.425.242)	53.056.802.962	(109.425.242)

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	6.631.671.465	418.919.147	3.874.899.891.873	788.923.704	3.882.739.406.189
Tăng trong năm	-	72.545.454	448.748.562.110	-	448.821.107.564
Thanh lý	-	-	(522.294.522)	(181.730.694)	(704.025.216)
Giảm khác	(2.288.936.278)	-	-	-	(2.288.936.278)
Số dư cuối năm	4.342.735.187	491.464.601	4.323.126.159.461	607.193.010	4.328.567.552.259
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.485.640.177	418.919.147	2.182.877.041.801	642.418.655	2.187.424.019.780
Khấu hao trong năm	302.444.695	14.106.064	301.138.316.693	54.703.032	301.509.570.484
Thanh lý	-	-	(522.294.522)	(181.730.694)	(704.025.216)
Giảm khác	(2.155.219.409)	-	-	-	(2.155.219.409)
Số dư cuối năm	1.632.865.463	433.025.211	2.483.493.063.972	515.390.993	2.486.074.345.639
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	3.146.031.288	-	1.692.022.850.072	146.505.049	1.695.315.386.409
Số dư cuối năm	2.709.869.724	58.439.390	1.839.633.095.489	91.802.017	1.842.493.206.620

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.763.052 triệu VND (1/1/2016: 1.544.541 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 17).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 37.836 triệu VND (1/1/2016: 37.229 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.226.008.991
Khấu hao trong năm	613.004.496
Số dư cuối năm	1.839.013.487
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	27.024.971.220
Số dư cuối năm	26.411.966.724

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	823.060.782	6.211.796.065
Tăng trong năm	29.815.229.677	25.629.917.629
Sử dụng dự phòng sửa chữa lớn	(7.742.380.939)	(31.018.652.912)
Số dư cuối năm	22.895.909.520	823.060.782

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Các khoản đầu tư tài chính
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016				1/1/2016			
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	4,39%	4,39%	(51.000.000.000)	625.000	4,39%	4,39%	53.500.000.000 (*)
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2,02%	2,02%	(261.857.704)	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000 (*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	17,86%	-	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000 (*)
				<u>64.500.000.000 (51.261.857.704)</u>				<u>64.500.000.000 (52.725.464.944)</u>

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV	11.161.305.643	2.834.749.411
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	7.719.441.730	1.112.100.000
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex	7.525.709.510	2.498.281.060
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	5.645.778.403	-
Công ty TNHH Vietsea PTE	-	13.424.573.581
Các nhà cung cấp khác	22.873.076.734	6.441.423.372
	<hr/>	
	54.925.312.020	26.311.127.424
	<hr/>	

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	2.249.742.599	-
Các công ty liên quan		
<i>Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV</i>	<i>11.161.305.643</i>	<i>2.834.749.411</i>
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore</i>	<i>5.645.778.403</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ</i>	<i>7.719.441.730</i>	<i>1.112.100.000</i>
<i>Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa</i> <i>dầu Petrolimex</i>	<i>7.525.709.510</i>	<i>2.498.281.060</i>
<i>Công ty TNHH MTV Xăng dầu Đồng Nai</i>	<i>2.602.779.234</i>	<i>2.495.557.922</i>
<i>Công ty Xăng dầu Nghệ An</i>	<i>169.981.900</i>	<i>-</i>
<i>Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè</i>	<i>20.402.900</i>	<i>71.453.500</i>
<i>Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long</i>	<i>987.225.728</i>	<i>202.008.200</i>
<i>Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại</i> <i>Petrolimex</i>	<i>260.766.000</i>	<i>-</i>
<i>Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu – Xăng dầu Khu Vực 2</i>	<i>23.646.400</i>	<i>22.081.000</i>
	<hr/>	

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
	Điều chỉnh lại			
Thuế giá trị gia tăng	8.706.150.434	60.982.521.256	(66.849.635.979)	2.839.035.711
Thuế nhập khẩu	-	10.061.911.670	(10.061.911.670)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.856.439.066	28.666.494.866	(41.334.054.438)	8.188.879.494
Thuế thu nhập cá nhân	783.078.693	4.227.520.255	(3.746.508.841)	1.264.090.107
Các loại thuế khác	31.794.225	1.981.054.076	(1.931.963.342)	80.884.959
	30.377.462.418	105.919.502.123	(123.924.074.270)	12.372.890.271

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí lãi vay	7.586.148.226	3.313.995.567
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên	533.365.000	96.054.000
Chi phí thuê tàu Vietsea	-	2.550.954.356
Cảng phí	1.236.397.500	1.412.624.852
Các khoản khác	1.841.707.478	1.188.481.858
	11.197.618.204	8.562.110.633

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Điều chỉnh lại
Phải trả hoạt động tàu Vân Phong - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	3.402.442.079	-
Cổ tức phải trả cổ đông khác	769.178.075	652.094.175
Chi phí được trả hộ	13.593.592.706	6.349.353.419
Phải trả tiền hao hụt vận tải cho Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	160.113.683	1.150.572.660
Kinh phí công đoàn	1.376.948.626	1.160.366.449
Phải trả dịch vụ cung ứng thuyền viên Công ty TNHH MTV Thuyền viên Vipco – công ty liên quan	922.785.392	761.299.450
Phải trả khác cho Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè – công ty liên quan	394.003.004	133.043.968
Phải trả khác cho Tập đoàn xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	7.241.717.866	-
Chi phí khác	1.869.467.552	16.242.607
	<hr/>	
	29.730.248.983	10.222.972.728
	<hr/>	

Khoản phải trả phi thương mại cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Vay

	Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ		Biến động trong năm		Lãi chênh lệch		Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ 31/12/2016 VND
	1/1/2016 VND	Tăng VND	Giảm VND	tỷ giá VND	31/12/2016 VND		
Vay dài hạn	713.549.278.134	341.400.274.544	(306.335.354.802)	2.905.006.874	751.519.204.750		
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(269.705.685.634)	(226.216.832.044)	275.211.773.692	178.250.042	(220.532.493.944)		
	443.843.592.500	115.183.442.500	(31.123.581.110)	3.083.256.916	530.986.710.806		

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
▪ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	USD	6%	2018	170.925.000.000	202.860.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính	USD	4%-8,0%	2017- 2018	51.539.585.000	159.006.931.090
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	2,49%- 3,15%	2017	38.344.175.000	134.901.900.000
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Nhuệ (VTB)	VND	7,0%	2026	302.752.768.500	-
▪ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	USD	4,5%	2022	81.936.972.770	96.962.315.044
▪ Ngân hàng TMCP Quân Đội	USD	4%	2023	106.020.703.480	119.818.132.000
				751.519.204.750	713.549.278.134

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.763.052 triệu VND (1/1/2016: 1.544.541 triệu VND) (Thuyết minh 9).

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Dự phòng sửa chữa lớn 2016 VND	2015 VND Điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	24.580.064.975	21.252.420.600
Dự phòng lập trong năm	50.290.124.037	34.346.297.287
Dự phòng sử dụng trong năm	(20.231.639.811)	(31.018.652.912)
Số dư cuối năm	54.638.549.201	24.580.064.975

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã báo cáo trước đây	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	233.165.170.548	28.812.366.999	1.048.848.627.880
<i>Điều chỉnh cho thuế bị truy thu (Thuyết minh 34)</i>	-	-	-	-	(11.606.940.796)	(11.606.940.796)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã điều chỉnh lại	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	233.165.170.548	17.205.426.203	1.037.241.687.084
Lợi nhuận thuần trong năm (điều chỉnh lại) (Thuyết minh 34)	-	-	-	-	57.489.301.478	57.489.301.478
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	11.925.700.399	(11.925.700.399)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(7.886.666.600)	(7.886.666.600)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 – đã điều chỉnh lại	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	245.090.870.947	45.882.360.682	1.077.844.321.962
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	86.959.589.161	86.959.589.161
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	5.900.984.276	(5.900.984.276)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(14.500.000.000)	(14.500.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(39.433.333.000)	(39.433.333.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	73.007.632.567	1.110.870.578.123

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	78.866.666	788.666.660.000	78.866.666	788.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

21. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 26 tháng 4 năm 2016 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 39.433 triệu VND tương đương 500 VND mỗi cổ phiếu (2015: 7.886 triệu VND tương đương 100 VND mỗi cổ phiếu).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015 của Công ty ngày 24 tháng 4 năm 2016, Công ty đã trích lập 10,26% tương ứng với số tiền là 5.901 triệu VND (2015: 20,73% tương ứng với số tiền là 11.926 triệu VND) từ lợi nhuận sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.990.275.640	3.812.957.818
Trong vòng hai đến năm năm	4.849.355.400	-
	<hr/>	<hr/>
	8.839.631.040	3.812.957.818

(b) Ngoại tệ

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	133.734	3.038.509.113	123.955	2.782.785.710
	<hr/>		<hr/>	

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2016	2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	156.352.351.908	357.696.580.201
Doanh thu vận tải biển	982.717.892.716	947.133.627.332
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	30.944.314.055	30.195.394.262
	<hr/>	<hr/>
	1.170.014.558.679	1.335.025.601.795

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Giá vốn hàng bán**

	2016 VND	2015 VND Điều chỉnh lại
Giá vốn bán hàng hóa	149.134.793.609	347.079.603.844
Giá vốn vận tải biển	769.328.167.029	772.178.164.691
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	20.710.192.487	20.592.081.561
	<hr/> 939.173.153.125	<hr/> 1.139.849.850.096 <hr/>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	1.102.454.684	964.066.159
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	200.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.774.330.104	1.658.115.005
Doanh thu tài chính khác	220.000	544.250
	<hr/> 3.877.004.788	<hr/> 2.822.725.414 <hr/>

27. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND Điều chỉnh lại
Chi phí lãi vay	37.558.503.258	44.652.608.995
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.767.749.551	46.231.959.571
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(1.463.607.240)	(1.902.894.767)
Chi phí tài chính khác	8.308.016	11.256.586
	<hr/> 41.870.953.585	<hr/> 88.992.930.385 <hr/>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

28. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND Điều chỉnh lại
Lãi do thanh lý tài sản cố định	396.527.273	19.926.002.094
Các khoản khác	2.794.329.421	1.676.154.411
	<hr/> 3.190.856.694	<hr/> 21.602.156.505

29. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Xử lý hao hụt	6.991.341.031	-
Tiền phạt chậm nộp thuế	9.543.587.422	-
Các khoản khác	3.688.969.423	1.395.493.763
	<hr/> 20.223.897.876	<hr/> 1.395.493.763

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	103.379.505.798	106.548.338.433
Chi phí nhân viên	138.997.579.790	118.667.867.292
Chi phí khấu hao	302.122.574.980	280.719.736.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	193.886.543.039	252.725.877.551
Chi phí khác	113.539.527.735	87.683.542.647
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	27.470.997.871	18.406.249.050
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.195.496.995	16.891.700
	28.666.494.866	18.423.140.750
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	28.666.494.866	18.423.140.750

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	115.626.084.027	75.912.442.228
	23.125.216.805	16.700.737.290
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.345.781.066	1.705.511.760
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.195.496.995	16.891.700
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.195.496.995	16.891.700
	28.666.494.866	18.423.140.750

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo là 81.960 triệu VND (2015: 57.489 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 78.866.666 cổ phiếu (2015: 78.866.666 cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	714.484.559.155	685.002.365.473
Các công ty liên quan khác		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	356.992.678.621	385.108.757.470
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.863.098.535	5.481.554.589
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu Vực 2		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.513.391.627	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	128.701.086.254	271.858.714.248
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu Vực 5		
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.906.421.653	7.583.076.867
Công ty Xăng dầu Nghệ An		
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.240.569.114	3.387.839.730
Công ty Xăng dầu Bình Định		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.068.219.445	10.333.022.756
Công ty Xăng dầu Đồng Nai		
Mua hàng hóa và dịch vụ	23.681.953.970	45.632.507.020
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ		
Mua hàng hóa và dịch vụ	42.315.339.710	60.077.588.280
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex		
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.361.977.600	14.913.269.700
Công ty Bảo hiểm Pjico Sài Gòn		
Mua hàng hóa và dịch vụ	23.194.624.651	20.002.116.730
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.275.395.058	-
Công ty Cổ phần Cảng cửa cảng Hải Phòng		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.322.195.191	-

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

34. Điều chỉnh số liệu của các năm trước

Ngày 22 tháng 4 năm 2016, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định yêu cầu Công ty nộp bổ sung khoản tiền thuế thu nhập doanh nghiệp cho các năm 2010, 2011, 2012 và 2013 với tổng số tiền là 11.606.940.796 VND. Quyết định này của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh là dựa trên kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV (“KTNN KV IV”), trong quá trình KTNN KV IV thực hiện kiểm toán tại Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, liên quan đến mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động cho thuê tàu biển định hạn của Công ty trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2013. Theo quan điểm của KTNN KV IV thì hoạt động cho thuê tàu biển định hạn của Công ty không phải là một hoạt động được ưu đãi thuế, mặc dù đoàn kiểm toán nhà nước khi kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty năm 2011 cũng như đoàn Thanh tra Chính phủ khi kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty cho các năm 2010, 2011, 2012 và 6 tháng đầu năm 2013, đều đã xác nhận số liệu báo cáo tài chính và các khoản nộp ngân sách của Công ty.

Ngoài ra, theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2015 và chuyên đề việc thực hiện đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 – 2015 của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco” ngày 2 tháng 6 năm 2016, Kiểm toán Nhà nước Chuyên ngành VI đã kiến nghị Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh tăng thu ngân sách nhà nước từ kết quả của cuộc kiểm toán.

Ban Giám đốc Công ty đã xác định đây là những nội dung cần điều chỉnh hồi tố. Theo đó, một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và số dư Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 trong Thuyết minh 19 – Thay đổi vốn Chủ sở hữu đã được điều chỉnh lại.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2016 VND (điều chỉnh lại)	1/1/2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Hàng tồn kho	53.056.802.962	52.985.931.254
Chi phí trả trước ngắn hạn	664.477.712	500.738.129
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(52.725.464.944)	(53.870.376.203)
Thuế phải nộp Nhà nước	30.377.462.418	29.628.620.720
Phải trả ngắn hạn khác	10.222.972.728	10.727.341.053
Dự phòng phải trả ngắn hạn	24.580.064.975	26.100.000.000
LNST chưa phân phối năm trước	(11.606.940.796)	28.812.366.999
LNST chưa phân phối năm nay	57.489.301.478	54.834.317.276

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015 VND (điều chỉnh lại)	2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	1.139.849.850.096	1.141.604.396.412
Chi phí tài chính	88.992.930.385	90.137.841.644
Thu nhập khác	21.602.156.505	21.097.788.180
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.423.140.750	17.674.299.052

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	2015 VND (điều chỉnh lại)	2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Các khoản dự phòng	32.567.483.510	35.232.329.794
Biến động hàng tồn kho	610.559.018	681.430.726
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	(34.357.084.121)	(33.852.715.796)
Biến động chi phí trả trước	(261.473.987)	(97.734.404)

Ngày 18 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Phan Nhân Tri
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
 Tổng Giám đốc



358
TY
IN
DAN
CH

2042
G TY
EM HUU
MG
- TS

C. I. C. P. * * * * *

T. N. H. H. * * * * *
M. O. I. * * * * *